

Biểu số 004.5N/BCB-NV
Ban hành kèm theo Nghị
định số 139/2026/NĐ-CP
ngày 07/4/2026
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 31 tháng 3 năm kế
tiếp sau năm điều tra

**SỐ CƠ SỞ, LAO ĐỘNG
TRONG CÁC CƠ SỞ HÀNH
CHÍNH, SỰ NGHIỆP**
Năm

Đơn vị báo cáo:
Bộ Nội vụ
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Thống kê, Bộ Tài
chính

	Mã số	Tổng số cơ sở hành chính (Cơ sở)	Tổng số cơ sở sự nghiệp (Cơ sở)	Tổng số lao động (Người)	Chia ra	
					Lao động biên chế (Người)	Lao động hợp đồng (Người)
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Tổng số	01					
1. Chia theo quy mô						
- ...						
- ...						
2. Chia theo ngành kinh tế (Ghi theo Danh mục ngành kinh tế Việt Nam VSIC 2025)						
- ...						
-...						
- ...						
3. Chia theo vùng kinh tế - xã hội						
3.1. Vùng đồng bằng sông Hồng						
3.2. Vùng trung du và miền núi phía Bắc						

3.3. Vùng Bắc Trung Bộ						
3.4. Vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên						
3.5. Vùng Đông Nam Bộ						
3.6. Vùng đồng bằng sông Cửu Long						
4. Chia theo tỉnh/thành phố						
<i>(Ghi theo Danh mục đơn vị hành chính Việt Nam)</i>						
4.1. Hà Nội						
4.2....						

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 004.5N/BCB-NV: Số cơ sở, lao động trong các cơ sở hành chính, sự nghiệp

1. Khái niệm, phương pháp tính

a) Số cơ sở hành chính

Cơ sở hành chính (đơn vị cơ sở) được khái niệm như sau:

- Là nơi trực tiếp diễn ra hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị xã hội, quản lý nhà nước, an ninh, quốc phòng, bảo đảm xã hội bắt buộc;
- Có chủ thể quản lý hoặc người chịu trách nhiệm về các hoạt động tại địa điểm đó;
- Có địa điểm xác định, thời gian hoạt động liên tục.

Đơn vị cơ sở có thể là một cơ quan hoặc chi nhánh của cơ quan hành chính.

Số cơ sở hành chính là tổng số lượng cơ sở thỏa mãn khái niệm nêu trên, hoạt động trong ngành O theo hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị xã hội, quản lý nhà nước, an ninh, quốc phòng, bảo đảm xã hội bắt buộc) tại thời điểm thống kê trên lãnh thổ Việt Nam.

b) Số cơ sở sự nghiệp

Cơ sở sự nghiệp được khái niệm như sau:

- Là nơi trực tiếp cung cấp dịch vụ, hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp,...;
- Có chủ thể quản lý hoặc người chịu trách nhiệm về các hoạt động tại địa điểm đó;
- Có địa điểm xác định;
- Có thời gian hoạt động liên tục hoặc định kỳ.

Cơ sở sự nghiệp hoạt động trong các ngành khoa học công nghệ; giáo dục đào tạo; y tế, cứu trợ xã hội; thể thao, văn hóa; hoạt động hiệp hội; hoạt động tôn giáo,...

c) Số lao động trong các cơ sở hành chính, sự nghiệp

Số lao động trong các cơ sở hành chính, sự nghiệp là toàn bộ số lao động hiện đang làm việc trong các cơ sở này tại thời điểm thống kê, gồm lao động trong biên chế; lao động hợp đồng (có thời hạn và không có thời hạn). Kể cả những người đang nghỉ chờ việc hay chờ chế độ nghỉ hưu, nhưng vẫn thuộc đơn vị quản lý.

2. Cách ghi biểu

- Cột 1: Ghi tổng số cơ sở hành chính tương ứng với từng dòng của cột A.
- Cột 2: Ghi tổng số cơ sở sự nghiệp tương ứng với từng dòng của cột A.
- Cột 3: Ghi tổng số lao động trong các cơ sở hành chính, sự nghiệp tương ứng với từng dòng của cột A.
- Cột 4: Ghi số lao động biên chế trong các cơ sở hành chính, sự nghiệp tương ứng với từng dòng của cột A.
- Cột 5: Ghi số lao động hợp đồng trong các cơ sở hành chính, sự nghiệp tương ứng với từng dòng của cột A.
- Thời điểm, thời kỳ số liệu: Số liệu năm trước năm báo cáo (năm điều tra).
- Giải trình số liệu tăng, giảm đột xuất (nếu có).

3. Nguồn số liệu

Điều tra cơ sở hành chính, sự nghiệp.